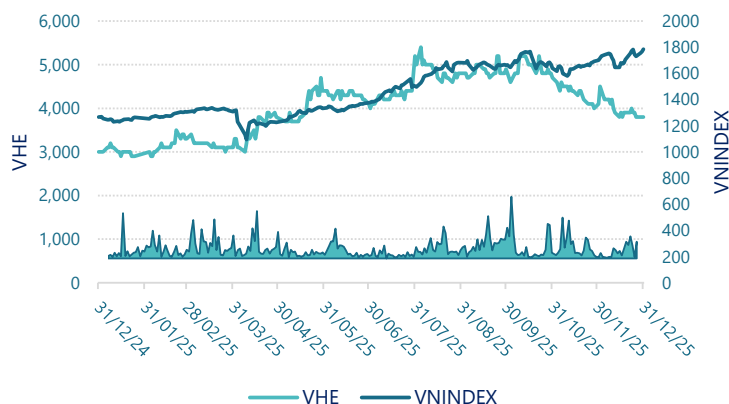


CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (HNX: VHE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	33,139,966
KLGD BQ 20 phiên (CP)	246,075
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
P/E	7.2
EPS	529

DT thuần

Q4/25

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.1 | 137%

YoY: ▲ 53.7 | 86.2%

LN sau thuế

Q4/25

2.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.06 | -2.1%

YoY: ▲ 2.04 | 426%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.8%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

2025

535

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 99.0 | 22.6%

LN sau thuế

2025

17.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.7 | 812%

ROE

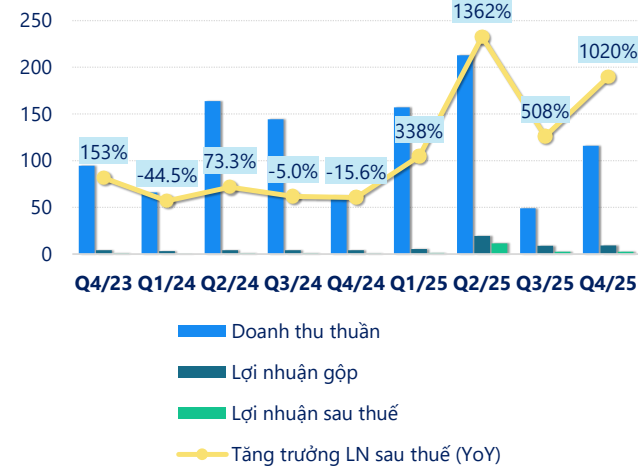
2025

4.8%

+/- YoY: ▲ 4.2%

tỷ VNĐ

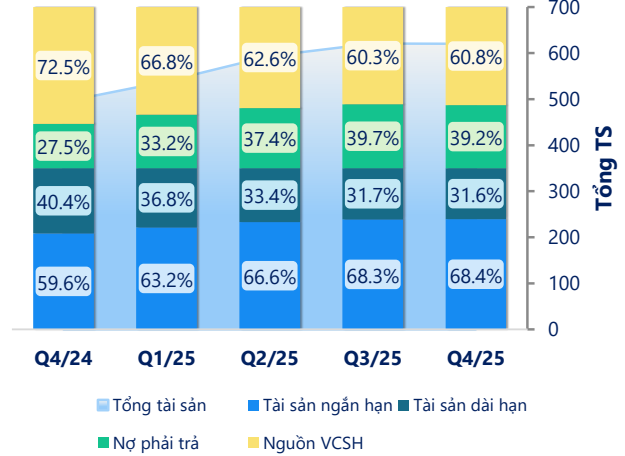
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

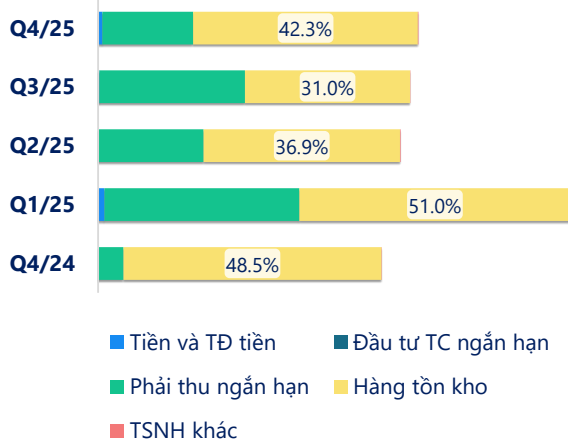
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



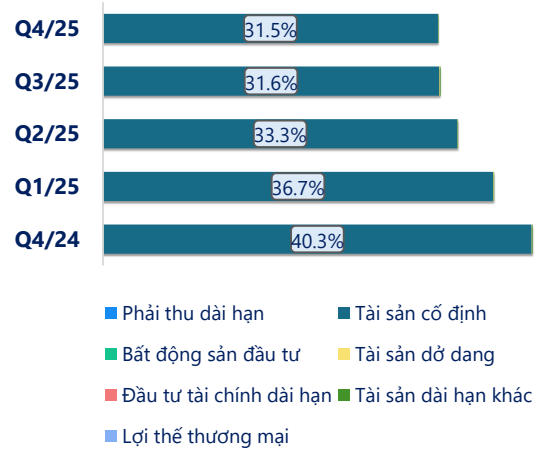
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

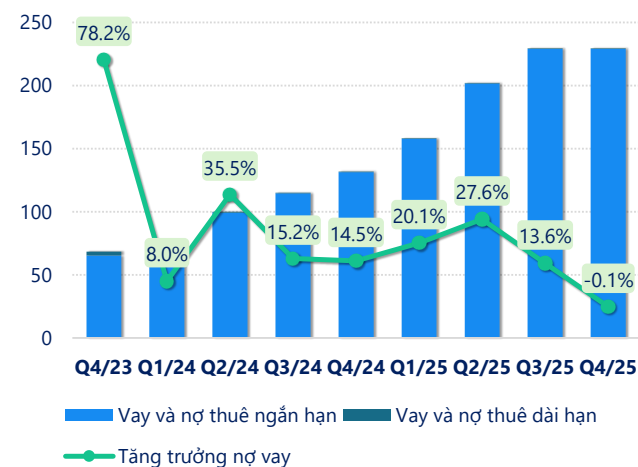
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

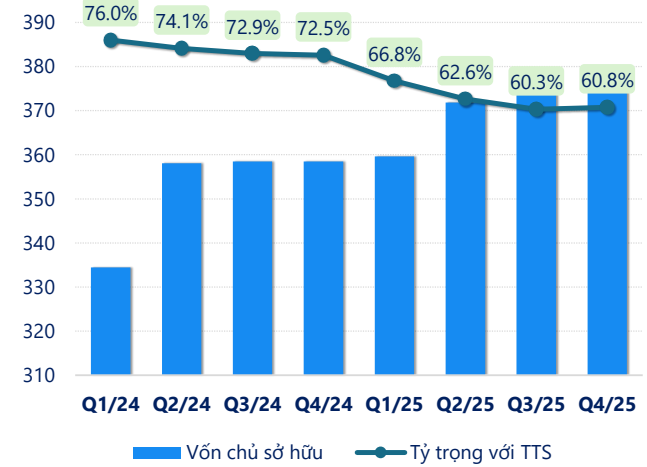
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

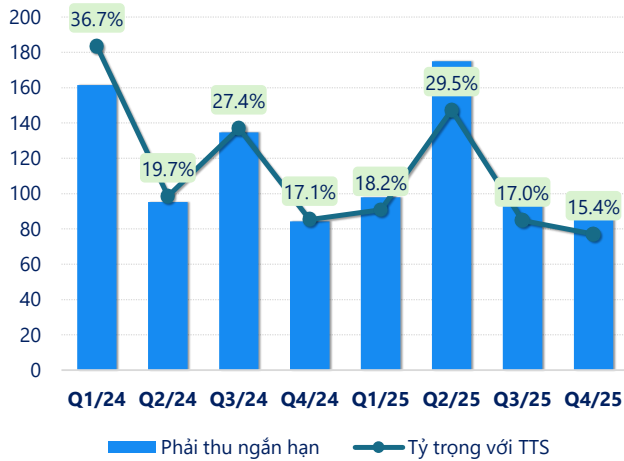
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


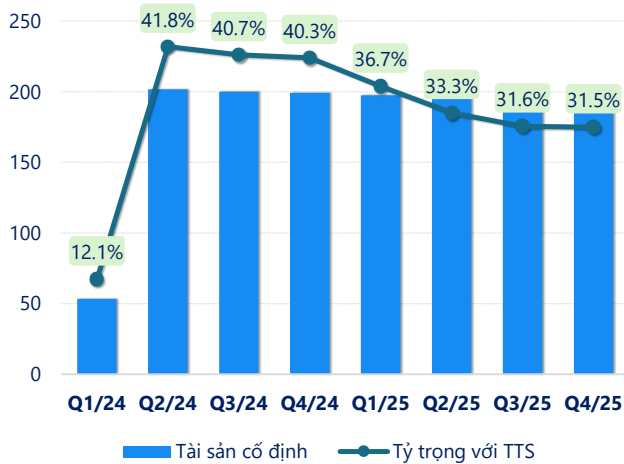
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

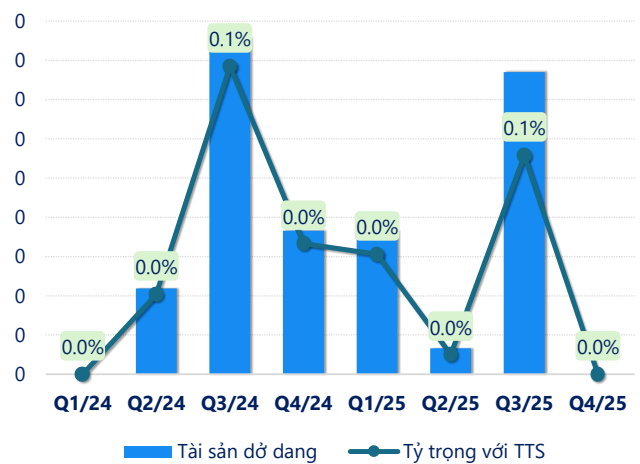

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

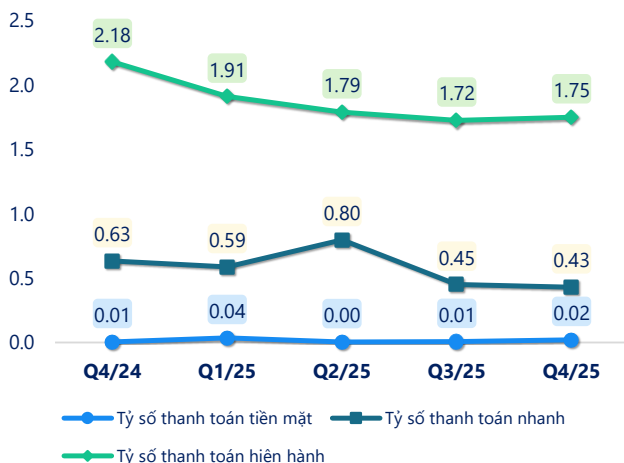
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

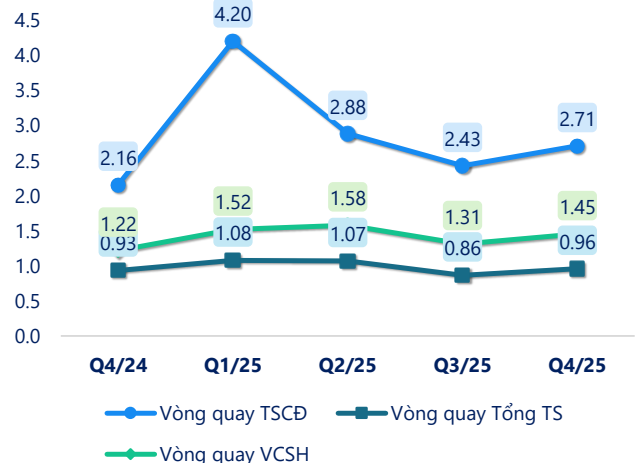
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	494	538	594	621	620
Tài sản ngắn hạn	294	340	396	424	424
Tiền và tương đương tiền	0.69	6.42	0.87	1.47	5.14
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	84.3	97.9	175	105	95.6
Hàng tồn kho	209	236	219	313	320
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.37	0.39	3.72	3.39
Tài sản dài hạn	200	198	198	197	196
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	199	198	198	196	195
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.18	0.03	0.38	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.32	0.33	0.47	0.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	136	179	222	246	243
Nợ ngắn hạn	135	178	221	246	243
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	158	202	229	229
Phải trả người bán ngắn hạn	2.22	18.6	15.2	11.8	7.64
Nợ dài hạn	0.56	0.56	0.69	0.66	0.62
Vay và nợ thuê dài hạn	0.56	0.56	0.49	0.46	0.42
Nguồn vốn chủ sở hữu	358	360	372	374	377
Vốn chủ sở hữu	358	360	372	374	377
Vốn điều lệ	331	331	331	331	331
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)